

Số: 01/2017/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ
của tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 54/2016/NĐ-CP), cụ thể: khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 13 và quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; trình tự xây dựng và phê duyệt phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; chế độ báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

b) Các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập có thể vận dụng cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và Thông tư này.

Điều 2. Phân loại mức độ tự chủ và xây dựng phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Căn cứ dự toán thu, chi và kết quả thực hiện thu, chi của các năm trước liền kề, tổ chức khoa học và công nghệ công lập phân loại mức độ tự chủ và xây dựng phương án tự chủ theo một trong bốn mức độ sau:

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư là tổ chức đã tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp và tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ. Căn cứ yêu cầu phát triển của tổ chức, Nhà nước xem xét, tiếp tục bố trí vốn đối với các dự án đầu tư đã được phê duyệt dự án đầu tư trước thời điểm phê duyệt phương án tự chủ và đang triển khai;
2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên là tổ chức đã tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp; được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi đầu tư;
3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là tổ chức đã tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp, phần chi thường xuyên còn lại do ngân sách nhà nước cấp; được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi đầu tư;
4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là tổ chức không có nguồn thu sự nghiệp hoặc nguồn thu sự nghiệp thấp, ngân sách nhà nước cấp toàn bộ chi thường xuyên; ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi đầu tư.

Phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo mẫu B1. PATC quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Hằng năm, tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại các khoản 3, 4 Điều 2 Thông tư này căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, lập danh mục, thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (thực hiện theo mẫu B2. DM-TM-DT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Thời gian thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng không quá 12 tháng.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định giao và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại các khoản 1, 2 Điều 2 Thông tư này.

2. Đơn vị tham mưu về kế hoạch, tài chính, tổ chức cán bộ và quản lý khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định danh mục, thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng để trình Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP phê duyệt, ký hợp đồng (thực hiện theo mẫu B3. HĐ-TLHĐ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và cấp kinh phí cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng. Trường hợp cần thiết, có thể lập Hội đồng gồm thành phần là đại diện các đơn vị tham mưu về kế hoạch, tài chính, tổ chức cán bộ và quản lý khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định danh mục, thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.

Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng được vận dụng phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Khi kết thúc nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm theo các sản phẩm của nhiệm vụ trong Thuyết minh đã được phê duyệt.

Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại khoản 2 Điều này đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, nghiệm thu đồng thời giao, điều chỉnh hoặc không giao nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện trong năm tiếp theo.

Trường hợp nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng được đánh giá không đạt thì thực hiện xử lý theo quy định tại Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng được ký kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ công lập và cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Việc quản lý, sử dụng tài sản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Việc giao quản lý, sử dụng tài sản cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật có liên quan khác.

Điều 5. Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện việc chi tiêu nội bộ và để Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi.

2. Quy chế chi tiêu nội bộ do Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn, được thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong đơn vị và được ít nhất 2/3 số công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị đồng ý tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức.

3. Quy chế chi tiêu nội bộ phải gửi cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi, kiểm tra thực hiện; gửi Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức khoa học và công nghệ công lập mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi. Trường hợp có các quy định không phù hợp với quy định của Nhà nước thì trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan quản lý cấp trên có ý kiến yêu cầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải điều chỉnh lại cho phù hợp.

4. Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 2 Thông tư này phải bảo đảm tuân thủ các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, định mức chi các nội dung sau: tiêu chuẩn định mức sử dụng xe ô tô; tiêu chuẩn định mức về nhà làm việc; tiêu chuẩn định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động; chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam, riêng tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điều 2 Thông tư này sử dụng nguồn tài chính quy định tại điểm b, d, đ khoản 1, Điều 8 và điểm b, c, d khoản 1, Điều 9 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP bảo đảm tuân thủ các quy định của Nhà nước về: chế độ quản lý, sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia; chế độ hướng dẫn sử dụng các chương trình, dự án, đề án do cấp có thẩm quyền quyết định; chế độ quản lý, sử dụng vốn đối ứng dự án, vốn viện trợ thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; chế độ quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chế độ sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 6. Việc đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại các khoản 1, 2, 3, Điều 2 Thông tư này được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, được sử dụng con dấu của đơn vị sự nghiệp để hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy

định của pháp luật. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 7. Việc chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ công lập thành công ty cổ phần

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Trước ngày 01 tháng 7 năm 2017, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP hoàn thành việc phê duyệt phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý (kể cả tổ chức đã được phê duyệt đề án và tổ chức chưa được phê duyệt đề án thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập). Mẫu Quyết định phê duyệt phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo mẫu B4. QĐPDPA quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Năm cuối của thời kỳ ổn định, tổ chức khoa học và công nghệ công lập báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ trong 3 năm và đề xuất phương án tự chủ trong 3 năm tiếp theo để cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Trường hợp nguồn thu, nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập có biến động làm thay đổi mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tổ chức khoa học và công nghệ công lập báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh phương án tự chủ cho tổ chức trước thời hạn.

3. Chế độ báo cáo hằng năm:

a) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện việc báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, mẫu báo cáo thực hiện theo mẫu B5. BCTC quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đại học quốc gia và các cơ quan liên quan tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý theo mẫu B6. BCTH quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 30 tháng 3 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.